

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 27/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 41

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, tôi giảng kinh văn phẩm thứ mười.

PHẨM THỨ MƯỜI: GIAI NGUYỆN TÁC PHẬT

Phẩm kinh văn này chủ yếu nói về hai nội dung:

1. Nhóm vương tử A-xà-thế phát nguyện thành Phật, Thế Tôn liền thọ ký cho đại chúng. Điều này là để khích lệ người nghe phát khởi đại nguyện.

2. Diễn nói hết thấy các pháp đều không rời nhân duyên, người ngày nay có thể gặp được kinh này, nghe được diệu pháp Tịnh tông, nhất định là do trong nhiều đời từng thọ nhận sự giáo hóa và cứu độ của hai vị đạo sư, cho nên ngày nay mới có được nhân duyên thù thắng như vậy.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi Phật nói A-di-đà Phật lúc còn là Bồ-tát cầu đạt được nguyện đó xong, vương tử A-xà-thế cùng năm trăm đại trưởng giả, nghe rồi đều rất hoan hỷ. Mỗi người cầm một lọng hoa bằng vàng, đều đến trước Phật làm lễ, dâng lọng hoa lên Phật, rồi ngồi qua một bên nghe kinh, trong tâm nguyện rằng: khi chúng con thành Phật, đều giống như A-di-đà Phật.

Đại ý đoạn kinh văn này là: sau khi Phật nói A-di-đà Phật lúc còn là Bồ-tát ở nhân địa, thành tựu biên nguyện hồng thế đã phát xong, trong pháp hội có một vị vương tử nghe kinh, tên là A-xà-thế, ông cùng năm trăm đại trưởng giả tuổi cao đức trọng, uy vọng rất cao, sau khi nghe Phật thuyết pháp, đều phát khởi tâm hoan hỷ chưa từng có. Họ mỗi người cầm một lọng hoa bằng vàng, đến trước Phật đánh lễ cúng dường.

Năm trăm lẻ một người này, đều là cư sĩ tại gia, họ cùng nhau đánh lễ Phật, lại mang theo phẩm vật cúng dường giống nhau, có thể thấy họ cùng đến một lượt. Sau khi họ cúng dường lọng hoa xong, đều trở về chỗ trong đại chúng, ngồi yên một bên nghe kinh. Lúc này trong tâm mỗi người phát nguyện: nguyện khi chúng tôi thành Phật, hết thấy đều giống như A-di-đà Phật. Trong lời nguyện nói “chúng tôi”, đủ thấy đây là nguyện chung.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Phật liền biết được, nói với các tỳ-kheo, nhóm của vương tử này, về sau sẽ thành Phật. Các ông ấy trong đời quá khứ trụ đạo Bồ-tát, vô số kiếp đến nay, đã cúng dường bốn trăm ức Phật.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: nhóm vương tử A-xà-thế phát khởi đại nguyện, Thế Tôn lập tức biết ngay. Do vậy nói, khởi tâm động niệm của chúng ta, Như Lai đều biết đều thấy. Tâm của chúng ta và tâm Phật, không có một hào ly ngăn cách nào. Khi đó, Phật liền nói với 12.000 vị đại tỳ-kheo và nhóm người của vương tử trong pháp hội. Phật nói: về sau các ông đều sẽ thành Phật, điều này cũng tương đương với việc thọ ký thành Phật cho 501 người này trong đại hội. Phật lại nói với mọi người rằng: trong đời quá khứ, các ông ấy đều luôn tu tập đại hạnh của Bồ-tát, an trụ nơi đạo Bồ-tát. Trải qua vô số đại kiếp, từng cúng dường bốn trăm ức Phật, rộng trồng công đức. Hôm nay, lại phát khởi đại nguyện thù thắng giống như A-di-đà Phật, cho nên tương lai đều nhất định thành Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Thời Phật Ca-diếp, các ông ấy là đệ tử của ta, nay cúng dường ta, lại gặp được nhau. Bây giờ, các tỳ-kheo nghe lời Phật nói, thấy đều hoan hỷ thay cho họ.

Phật lại nói: thời Phật Ca-diếp trụ thế, các ông là đệ tử của ta. Hôm nay, trong pháp hội, các ông cúng dường ta, đây là gặp lại nhau lần nữa. Khi đó 12.000 vị đại tỳ-kheo trong hội, nghe Phật nói như vậy, đại chúng đều vui mừng cho nhóm vương tử A-xà-thế.

Trong kinh có ba chỗ mà mọi người nên chú ý:

1. Phát nguyện. Nhóm vương tử A-xà-thế vừa phát nguyện, “chúng con đều như A-di-đà Phật”, họ lập tức liền được thọ ký, tương lai nhất định thành Phật.

2. Nhân duyên. Trong đời quá khứ, thời Phật Ca-diếp, họ là đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật, nay lại tương phùng nơi pháp hội, lại dâng cúng dường, lại đến nghe kinh, lại kết duyên thêm một lần nữa. Pháp duyên rất quan trọng, bởi vì Phật cũng chẳng thể độ người không có duyên. Năm xưa, lúc Phật ở thành Vương-xá, có một phần ba người, không những chưa từng thấy mặt Phật, mà ngay cả tên của Phật cũng chưa từng nghe qua. Phật có uy đức như vậy, nhưng vẫn có một phần ba người ngay cả tên Phật cũng chưa từng nghe, chính là vì họ không có duyên.

3. Pháp này đặc biệt thích hợp cho cư sĩ.

Trong phẩm Đức Tuân Phổ Hiền, sau ngài Văn-Thù, Phổ Hiền, Di-lặc, thì 16 vị chánh sĩ nhóm ngài Hiền Hộ, đều là Bồ-tát tại gia. Trong phẩm này, sau khi nghe Phật nói pháp xong, người đầu tiên hoan hỷ đến dâng cúng dường, lại là nhóm hơn 500 người tại gia của vương tử A-xà-thế. Điều này chính là biểu thị pháp môn Tịnh độ vô cùng thích hợp cho người tại gia chúng ta. Vì sao người tại gia lại vô cùng thích hợp với pháp này? Bởi vì người tại gia có công việc, có gia đình, có rất nhiều việc, có đủ loại trách nhiệm, nếu họ còn muốn dựa vào thiên định và những biện pháp khác thì chẳng thể hành nổi. Cho nên pháp này khế hợp nhất với người tại gia.

Tôi đã giảng xong phẩm kinh văn này, tiếp theo tôi nói về cảm ngộ học tập kinh văn phẩm thứ mười.

Cảm ngộ thứ nhất: việc gấp tu hành, lập nguyện đứng đầu.

Các đồng tu tu học pháp môn Tịnh độ đều biết “dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật”, tám chữ này đã khái quát cương lĩnh của pháp môn Tịnh độ. Ba chữ “tín nguyện hạnh” chính là ba việc: sanh tín, phát nguyện và trì danh niệm Phật. Đại sư Ngẫu Ích nói: “Không có tín thì không đủ khởi nguyện, không có nguyện thì không đủ dẫn dắt hạnh, không có diệu hạnh trì danh thì không đủ để viên mãn sở nguyện và chứng sở tin.” Có thể thấy, tín nguyện hạnh, ba thứ thiếu một không được.

Tín và nguyện là mâu chốt để vãng sanh. Đại sư Ngẫu Ích đã nói rõ ràng: vãng sanh hay không hoàn toàn do có tín nguyện hay không. Chỉ cần tin thật, nguyện thiết, lâm chung mười niệm, thậm chí một niệm cũng có thể vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, cho dù trì danh hiệu đến mức gió thổi không vào, mưa rơi chẳng ướt, cũng khó vãng sanh.

Sau khi tin sâu thì cần phải phát nguyện. Đại sư Ngẫu Ích trong Di-đà Kinh Yếu Giải nói: “Đã tin như vậy, thì Ta-bà tức là cõi uế do tự tâm cảm ứng, đã là cõi uế của tự tâm, vậy theo lý nên chán lìa; Cực Lạc là cõi tịnh do tự tâm cảm ứng, đã là cõi tịnh của tự tâm, vậy theo lý nên vui cầu.” Có thể thấy, nếu chúng ta chỉ tin thôi vẫn chưa được, còn phải phát nguyện để cầu Tịnh độ. Đại sư Tịnh Am đời Thanh nói: “Lối cốt yếu để vào đạo, trước hết phải phát tâm; việc cần kíp trong tu hành, trước tiên phải lập nguyện. Nguyện lập thì chúng sanh có thể độ, phát tâm thì Phật đạo có thể thành.” Phát nguyện vô cùng quan trọng, cần phải xem trọng.

Vương tử A-xà-thế và 500 đại trưởng giả, vì sao là đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật, lại từng cúng dường bốn trăm ức Phật mà chưa thành Phật? Chính là vì họ chưa phát nguyện. Các đồng tu tu học pháp môn Tịnh độ của chúng ta, phải ghi nhớ lấy bài học này, ngàn vạn lần phải phát nguyện cầu sanh Tịnh độ! “Việc gấp tu hành, lập nguyện đứng đầu.”

Tiếp theo, về việc làm thế nào phát nguyện, tôi xin nêu vài điểm thể hội của cá nhân, đây không phải là quy tắc khuôn mẫu, chỉ cung cấp cho các đồng tu tham khảo.

Thứ nhất, dùng chân tâm phát nguyện, không dùng vọng tâm phát nguyện.

Nguyện phát từ chân tâm là nguyện thật, nguyện phát từ vọng tâm là nguyện suông. Dùng vọng tâm phát một trăm nguyện suông, không bằng dùng chân tâm phát một nguyện thật. Người phát nguyện thật, nhất định là người nói lời giữ lời, người như vậy nhất định là người đáng tin cậy, là người được người khác tôn trọng. Người phát nguyện suông, nhất định là người không giữ chữ tín, lâu dần sẽ mất đi sự tín nhiệm của mọi người đối với họ, đương nhiên cũng không được sự tôn trọng của người khác.

Tỳ-kheo Pháp Tạng là tấm gương tốt để chúng ta học tập, 48 nguyện mà ngài đã phát, không có nguyện nào là nguyện suông, mà mỗi nguyện đều viên mãn.

Thứ hai, phải phát nguyện liễu sanh tử, không phát nguyện cầu phước báo nhân thiên.

3.000 năm trước, Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện thành Phật ở Ấn Độ, nhiệm vụ của ngài chỉ có một: giúp chúng sanh giải quyết vấn đề sanh tử. Đời này chúng

ta có thể giải quyết vấn đề sanh tử hay không, chỉ xem bạn phát nguyện như thế nào mà thôi.

Nếu bạn phát nguyện đời này nhất định phải liễu sanh tử, vậy thì vấn đề sanh tử của bạn liền được giải quyết trong đời này, bạn trở về Cực Lạc. Vì sao vậy? Bởi vì nguyện của bạn tương ứng với nguyện của Thích-ca Mâu-ni Phật và A-di-đà Phật.

Nếu bạn phát nguyện cầu phước báo nhân thiên, bạn không thể vãng sanh Tịnh độ, và vĩnh viễn không ra khỏi biển khổ sanh tử. Vì sao vậy? Bởi vì bạn chỉ muốn tu cho đời sau, hưởng thụ phước báo nhân thiên. Phải biết rằng, Phật môn nói nhân quả ba đời, nếu đời sau hưởng thụ vinh hoa phú quý, trong lúc bạn đang hưởng thụ, sẽ tạo một lượng lớn đủ các ác nghiệp, đến đời thứ ba bạn có khả năng sẽ đi vào ba đường ác.

Do vậy, chúng ta nhất định phải phát nguyện liễu sanh tử, thoát luân hồi, cầu sanh Tịnh độ, không được phát nguyện cầu phước báo nhân thiên.

Thứ ba, phải phát đại nguyện bồ-đề phổ độ chúng sanh, không phát nguyện chỉ làm kẻ tự độ.

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn Đại thừa, là pháp môn tự lợi lợi tha, chúng ta nên phát đại nguyện bồ-đề phổ độ chúng sanh, hết thấy những gì của chúng ta đều thuộc về chúng sanh khổ nạn, không có một thứ nào thuộc về bản thân chúng ta. Cần phải giống như lão pháp sư đã dạy: “Hoàn thiện bản thân, kiêm giúp đỡ thiên hạ.” Chúng ta hy vọng tất cả chúng sanh đều cầu sanh Tịnh độ, như vậy mới có thể tương ứng với nguyện lực của A-di-đà Phật.

Thứ tư, không được phát nguyện “chân đứng trên hai thuyền”.

Thế nào gọi là chân đứng trên hai thuyền? Tức là vừa muốn cầu sanh Tịnh độ, lại vừa muốn lưu luyến thế giới Ta-bà. Việc này chứng tỏ điều gì? Chứng tỏ lòng tin không chân thật, nguyện không tha thiết, đến thời khắc then chốt sẽ làm lỡ việc lớn vãng sanh. Kết quả là: không thể vãng sanh Tây Phương Tịnh độ, thế giới Ta-bà cũng chẳng thể ở lâu. Chân đứng trên hai thuyền, kết quả là hai việc đều dang dở. Ví dụ như vậy rất nhiều, chúng ta cần lấy đó làm gương.

Thứ năm, người niệm Phật có bệnh cần phải phát nguyện cầu vãng sanh, không được phát nguyện cầu khỏi bệnh.

Đây là lời đại sư Ấn Quang nói, cần phải nhớ kỹ. Chỉ phát nguyện cầu khỏi bệnh, chúng tỏ bạn lưu luyến thế giới Ta-bà này, sợ chết thì vẫn phải chết, chưa từng nghe nói ai sợ chết mà không chết cả. Nếu bạn phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, chúng tỏ bạn đã buông xuống thân xác này. Nhất tâm niệm Phật, nghiệp chướng sẽ tiêu nhanh, thọ mạng chưa hết, ngược lại bệnh sẽ khỏi; nếu thọ mạng đã hết thì bạn được vãng sanh, liễu sanh tử thoát luân hồi, đạt được mục đích căn bản của người học Phật, đây là việc tốt, có gì phải sợ?

Cầu vãng sanh có thể cầu được; cầu sống cầu không được.

Người niệm Phật không sợ chết, sợ chết cũng phải chết.

Người niệm Phật sợ chết thì không phải là người niệm Phật chân chính; người niệm Phật chân chính hiểu rõ chân tướng của cái chết, cho nên không sợ chết.

Cảm ngộ thứ hai: Phật đại từ đại bi, bạn phát nguyện làm Phật, Phật sẽ thọ ký bạn thành Phật.

Lòng từ bi của Phật không lời nào có thể diễn tả, báo đáp ơn Phật duy chỉ có thành Phật.

Trong kinh văn nói “nguyện khi chúng con thành Phật, đều giống như A-di-đà Phật”. Đây là “lời nguyện trong tâm” của vương tử A-xà-thế và 500 đại trưởng giả tham gia pháp hội. Chú ý hai từ “trong tâm”, tức là trong lòng vừa mới động niệm, còn chưa nói ra, “Phật liền biết được”. “Liền” nghĩa là lập tức, ngay lập tức. Điều này cho chúng ta biết, khởi tâm động niệm của chúng ta, chư Phật Như Lai đều biết đều thấy. Vì sao vậy? Tâm của chúng ta và tâm Phật không có ngăn cách, bởi vì Phật và chúng sanh là một thể.

“Nói với các tỳ-kheo, nhóm của vương tử này, về sau sẽ thành Phật”, đây là Phật thọ ký thành Phật cho vương tử A-xà-thế và 500 đại trưởng giả ngay tại pháp hội. Điều này cho chúng ta thấy điều gì? Nói với chúng ta: chúng sanh phát nguyện thành Phật, đây là việc Phật mong đợi nhất, vui mừng nhất. Tâm nguyện “nguyện mong hết thảy đều thành Phật” của chư Phật Như Lai được biểu lộ trọn vẹn không sót một chút nào.

Chúng ta là người niệm Phật, nhiều đời nhiều kiếp, không biết Phật đã thọ ký cho chúng ta bao nhiêu lần rồi, chúng ta cũng đã gặp được vô số cơ duyên thành

Phật, đáng tiếc đều bị chúng ta bỏ lỡ. Đến hôm nay, chúng ta vẫn còn chìm đắm trong biển khổ lục đạo luân hồi. Hồ thẹn thay!

Cảm ngộ thứ ba: pháp môn Tịnh độ niệm Phật vô cùng thích hợp cho người tại gia tu học.

Trong phẩm kinh văn thứ nhất “Pháp Hội Thánh Chúng” của kinh Vô Lượng Thọ, nêu lên ba vị thượng thủ của chúng xuất gia. Các ngài là: Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Di-lặc. Ba vị này là đại diện của chúng xuất gia.

Trong phẩm kinh văn thứ hai “Đức Tuân Phổ Hiền” của kinh Vô Lượng Thọ, Phật nêu lên 16 vị chánh sĩ của nhóm ngài Hiền Hộ, những vị chánh sĩ này là thượng thủ của chúng tại gia, các ngài là đại diện cho chúng tại gia.

Đại sĩ là tôn xưng đối với chúng xuất gia; chánh sĩ là tôn xưng đối với chúng tại gia.

“Ba” và “mười sáu” không phải là con số cụ thể đơn thuần, đây là dùng để biểu pháp, biểu thị sự viên mãn.

Trong pháp hội kinh Vô Lượng Thọ, Thích-ca Mâu-ni Phật đã thọ ký thành Phật cho vương tử A-xà-thế và 500 đại trưởng giả v.v.. Ba lần viết bản thảo phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, mỗi lần tôi đều có chỗ ngộ, nhưng chỗ ngộ có sâu cạn khác nhau, cảnh giới cũng khác nhau. Nay tôi xin nói những gì tôi đã ngộ được cho mọi người nghe, chỉ cung cấp để tham khảo.

Thứ nhất, kinh Vô Lượng Thọ là chuyên vì người tại gia mà nói, trước tiên là độ phàm phu, kiêm cả thánh nhân.

Thứ hai, kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn Tịnh độ niệm Phật, là Phật chuyên vì chúng sanh căn cơ chín muồi mà nói, giúp chúng sanh căn cơ chín muồi đời này thành Phật. Thế nào là chúng sanh căn cơ chín muồi? Tiêu chuẩn kiểm nghiệm vô cùng đơn giản:

1. Ba tư lương “tín nguyện hạnh” đầy đủ. Tin kiên cố, nguyện thiết tha, dốc lòng làm, ba thứ thiếu một không được.

2. Đọc kinh Vô Lượng Thọ, niệm A-di-đà Phật, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. “Tám hướng gió thổi chẳng lay động, tâm như nước lặng như Phật.”

Đây chính là chúng sanh căn cơ chín muồi, đầy thêm một chút liền thành tựu.

Thứ ba, pháp môn Tịnh độ niệm Phật là “đường lớn nằm ngoài các pháp môn”, ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, Phật đã chuyên vì người niệm Phật mà mở ra. Con đường lớn này là đại đạo bồ-đề thông thẳng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Dùng pháp môn niệm Phật để chứng vô thượng bồ-đề là con đường tắt gần nhất.

Thứ tư, hãy ghi nhớ kỹ năm cái “nhất”: dễ dàng nhất, đơn giản nhất, vững vàng nhất, đáng tin cậy nhất, nhanh chóng nhất.

Trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Sớ Sao, chúng ta đọc thấy phương pháp này đột phá không gian, đột phá thời gian, vượt hơn nhân quả thông thường. Nhân quả thông thường đó là ba đại a-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp mới có thể thành Phật. Vượt nhân, vượt quả, vượt hơn nhân quả tu hành thông thường của Bồ-tát, tin sâu nhân quả này.

Này các đồng tu, các bạn thật sự vô cùng may mắn, thiện căn phước đức nhân duyên trong vô lượng kiếp hôm nay đã chín muồi, các bạn có thể nghe được bộ kinh đệ nhất được hết thầy chư Phật tuyên dương, pháp môn đệ nhất mà hết thầy Như Lai dùng để độ chúng sanh, bao nhiêu Bồ-tát không nghe được, hôm nay chúng ta đã nghe được, hôm nay chúng ta đã đọc được. Chỉ cần chúng ta có thể tin sâu thì thành tựu của chúng ta sẽ vượt hơn hết thầy các đại Bồ-tát mười phương. Họ không biết phải tu bao nhiêu kiếp mới có thể thành tựu, còn chúng ta đời này liền thành tựu. Đây là ý nghĩa chân thật của câu nói này. Bạn đã nghe hiểu chưa?

Thứ năm, pháp môn niệm Phật là Phật chuyên vì “mình” mà nói. Điểm này hết sức hết sức quan trọng. Không có nhận thức này, bạn sẽ không hết lòng hết dạ tu pháp môn này, bạn sẽ không học được thứ chân thật, bạn cũng không đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp.

Bạn cần nghĩ như thế này: mình là đứa con độc nhất của Phật, chỉ có mình là học trò, pháp môn niệm Phật là vì mình mà nói, gia nghiệp Như Lai mình đảm đương.

Học Phật hơn 20 năm, tôi luôn có nhận thức này: pháp môn niệm Phật là Phật chuyên vì tôi mà nói.

*Tôi và ân sư ngồi đối diện
Ân sư giảng pháp cho tôi nghe
Dạy tôi đi con đường Thích-ca*

*Dạy tôi hoằng dương pháp vô thượng
Tôi là đệ tử ngoan của Phật
Không sợ yêu ma và quỷ quái
Hết thấy đều vì chúng sanh khổ
Dẫn vô lượng chúng trở về nhà.*

Tiếp theo, tôi sẽ giảng kinh văn phẩm thứ mười một.

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT: QUỐC GIỚI NGHIÊM TỊNH

Từ phẩm này đến phẩm thứ hai mươi một sẽ diễn nói rộng về sự trang nghiêm trong cõi nước của thế giới Cực Lạc. Rất nhiều người cho rằng Tịnh độ tông chỉ chấp vào sự tướng, song lại không biết sự tướng mà Cực Lạc hiển hiện chính là pháp thân không thể nghĩ bàn. Nếu chỉ một mực chấp trước pháp thân vô tướng thì vẫn là sự chấp trước lệch sang một bên: chấp lý bỏ sự. Cần phải hiểu rõ pháp thân vô tướng, đồng thời cũng chẳng phải không có tướng, cho nên hưng khởi đại dụng, hiện ra hết thấy sự tướng. Do đây có thể biết, sự tướng của Cực Lạc, thể và dụng viên dung vô ngại, một sợi lông, một hạt bụi đều viên minh đầy đủ đức. Do vậy chẳng thể dùng tình tướng để thấy, không thể lấy suy nghĩ để biết. Trong Tịnh độ, khắp nơi đều là nhất chân pháp giới, cảnh giới sự sự vô ngại.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Phật nói với A-nan: thế giới Cực Lạc đó, có vô lượng công đức, đầy đủ trang nghiêm, vĩnh viễn không có tên của các khổ, các nạn, đường ác, ma não. Lại không có sự khác biệt của bốn mùa, rét nực, mưa tối; cũng không có sông biển lớn nhỏ, gò, đồi, hầm, hố, gai góc, cát sỏi, núi Thiết Vi, núi Tu-di, các loại núi đất đá. Chỉ dùng bảy báu tự nhiên và vàng ròng làm đất, rộng lớn bằng phẳng, không có bờ mé, vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, vượt trội hết thấy thế giới mười phương.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Phật nói với ngài A-nan, thế giới Cực Lạc là do vô lượng công đức mà thành tựu, cho nên cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, đầy đủ hết thấy trang nghiêm, vĩnh viễn xa lìa tên của các loại khổ nạn, ba đường ác và ma não. Cũng có nghĩa là, các khổ, các nạn, đường ác, ma não, ngay cả tên còn không có, huống là có thật. Trong nước không có hiện tượng xuân hạ thu đông, rét nực lạnh nóng, âm u mưa gió; cũng không có biển cả, sông ngòi, đồi núi, hầm hố

không bằng phẳng, gai góc, sa mạc, núi Thiết Vi, núi Tu-di, các loại núi do đất đá hợp thành; chỉ là một vùng đất bằng phẳng ngay ngắn, rộng lớn vô biên, do bảy báu tự nhiên và vàng ròng hợp thành. Cõi nước là tuyệt diệu nhất, nên gọi là “vi diệu”; là hoa lệ nhất, nên gọi là “kỳ lệ”. Sự thanh tịnh trang nghiêm của cõi nước vượt hơn hết thủy thế giới mười phương.

Tiếp theo, tôi sẽ giải thích riêng từng đoạn kinh văn. Mời xem bốn câu đầu:

“Phật nói với A-nan, thế giới Cực Lạc đó, có vô lượng công đức, đầy đủ trang nghiêm.”

Đại sư Đàm Loan trong Luận Chú nói: dùng nghiệp trí tuệ thanh tịnh của tỳ-kheo Pháp Tạng, để trang nghiêm các loại Phật sự, như thật nhập vào tướng thanh tịnh. Pháp này không có điên đảo, không có hư ngụy, nên gọi là công đức chân thật. Trong Luận Chú nói: Bồ-tát Pháp Tạng trụ trí tuệ chân thật, trang nghiêm cõi Phật. Do vậy nói rằng: từ nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát mà có Phật sự trang nghiêm. Hai cách nói này là hoàn toàn trùng khớp. Vãng Sanh Luận lại nói: ba loại trang nghiêm của Cực Lạc nhập vào câu thanh tịnh, chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi.

Luận Chú nói: “Nương theo pháp tánh nhập tướng thanh tịnh.” Pháp thân tức là thân pháp tánh, cũng chính là pháp tánh. Bồ-tát Pháp Tạng trang nghiêm cõi Phật, là từ lý thể của pháp thân hiển hiện ra cõi nước thanh tịnh, cũng chính là Vãng Sanh Luận nói: sự trang nghiêm của cõi nước nhập vào câu thanh tịnh, tức là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Chính vì bản thể là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, chính là bến bờ chân thật, “không điên đảo, không hư ngụy”, nên hết thấy sự tướng hiển hiện ra như vậy, “gọi là công đức chân thật”, càng không có bất kỳ một pháp nào khác. Do vậy, rời khỏi chân thật liền là hư ngụy, công đức chân thật chính là “vô lượng công đức”, tự nhiên cũng “đầy đủ trang nghiêm”.

“Vĩnh viễn không có tên của các khổ, các nạn, đường ác, ma nào.”

“Các nạn” còn gọi là tám nạn. Hàm nghĩa của tám nạn là:

1. Nạn địa ngục: ở trong địa ngục rất khó nghe pháp.
2. Nạn súc sanh.
3. Nạn ngã quý.

4. Nạn trời Trường thọ. Thọ năm trăm kiếp, là trời Vô tướng trong cõi Tứ thiên của Sắc giới. Vô tướng của họ giống như cá bị đông trong băng, một khi băng tan, cá lại có thể cử động.

5. Nạn Bắc-câu-lô châu, tương đối khó độ hóa, nên Phật không đến đó.

6. Nạn mù, điếc, câm, ngọng.

7. Nạn thế trí biện thông. Người tự cho mình thông minh đều phải cảnh giác. Nếu bạn chỉ là tà trí thế gian, cộng thêm tài ăn nói, giỏi tranh luận bằng lời, biết viết văn chương, ưa thích lý luận ngoại đạo, không tin chánh pháp xuất thế, thì thuộc về loại này, họ rất khó thành đạo.

8. Nạn sanh trước Phật, sanh sau Phật. Sanh vào lúc không gặp được Phật thì rất khó khăn.

“Đường ác” là chỉ ba đường ác. “Ma” là tên gọi tắt của Ma-ra, cũng chính là tên khác của ma vương Ba-tuần trong trời Tha hóa tự tại. Ma có thể làm nhiễu hại thân tâm của người, nên gọi là “ma não”. Loại quỷ thần này có ma lực rất lớn, có thể nhiễu hại người tu hành. Đặc biệt là đối với người tu thiền định, nó có thể biến hiện ra các loại cảnh giới, tiến hành quấy nhiễu. Bạn vừa lệch sang một bên nào, nó liền thừa cơ hội nhập vào, không hay không biết khiến bạn nhập ma.

Trong kinh Lăng-nghiêm nói, không trì chú mà tu thiền định thì không thể thành công. Bạn không trì chú cũng được, nhưng phải treo trong Thiền đường, hoặc mang theo trên người. Như vậy nhờ lực gia bị của Phật, mới có thể miễn trừ sự quấy nhiễu của ma. Có rất nhiều người tu khí công, đạt được công năng kỳ dị, họ không biết đây là việc rất đáng buồn.

Vì sao thế giới Cực Lạc vĩnh viễn không có ma não? Bởi vì toàn thể của nó chính là một câu thanh tịnh, là do trụ vào trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi mà trang nghiêm. Trong chân thật này là một pháp thanh tịnh, ngay cả tên ma não cũng không có, thì làm gì có thực tế. Chúng sanh cõi uế của chúng ta, nhờ niệm Phật, nên có thể miễn trừ ma sự, hướng hồ sanh trong Tịnh độ Cực Lạc.

Kinh Thập Vãng Sanh nói: “Nếu có chúng sanh niệm A-di-đà Phật, nguyện vãng sanh, thì đức Phật ấy liền phái 25 vị Bồ-tát ủng hộ hành giả. Dù đi dù ngồi, dù đứng dù nằm, dù ngày dù đêm, mọi lúc mọi nơi, đều không cho ác quỷ ác thần, có cơ hội quấy nhiễu.”

Nếu ngài thiên tu thiên định xảy ra vấn đề, thì giải quyết thế nào? Vậy hãy nhờ niệ̣m Phật mà chữa trị.

“Lại không có sự khác biệt của bốn mùa, rét nực, mưa tối; cũng không có sông biển lớn nhỏ, gò, đồi, hầm, hố, gai góc, cát sỏi, núi Thiết Vi, núi Tu-di, các loại núi đất đá.”

“Bốn mùa” là xuân hạ thu đông. “Rét” là rất lạnh, “nực” là rất nóng. “Mưa” là trời mưa. “Tối” là trời âm u. Thế giới Cực Lạc không có những hiện tượng thời tiết này. Khí hậu ở đó vĩnh viễn là ôn hòa quang đ̣ng. Ở trên nói về thiên thời.

Còn về địa lý, cũng không có sóng to gió lớn của sông biển lớn nhỏ, sự gồ ghề khó đi của gò đồi hầm hố, gai góc không mọc, cát sỏi mất hẳn, càng không có núi Thiết Vi, núi Tu-di và các loại núi đất đá, chỉ là một vùng đất bằng phẳng ngay ngắn rộng lớn vô biên. Núi Tu-di là trung tâm của bốn bộ châu lớn, núi Thiết Vi là ở vòng ngoài. Mặt trăng mặt trời xoay quanh núi Tu-di, trời Tứ thiên vương ở lưng chừng núi Tu-di, trên đỉnh là trời Đế-thích nơi Đế-thích cư ngụ. Bên trên núi Tu-di còn có trời Sắc giới, trời Vô sắc giới, đều ở trong không trung. Đây là tình hình an lập của thế giới thông thường, nhưng trong cõi nước Cực Lạc, không có các núi Tu-di, Thiết Vi v.v.. Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!